

## Bài 38

Thực hành :

### SO SÁNH VỀ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM VÀ CHĂN NUÔI GIA SÚC LỚN GIỮA VÙNG TÂY NGUYÊN VỚI TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

#### I – MỤC TIÊU CỦA BÀI THỰC HÀNH

- Rèn luyện kỹ năng tính toán số liệu, vẽ biểu đồ.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu để rút ra các nhận xét cần thiết.
- củng cố kiến thức đã học về hai vùng Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

#### II – PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Các bảng số liệu được tính toán.
- Các biểu đồ vẽ theo bảng số liệu (GV chuẩn bị).

#### III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

##### Bài tập 1

1. Trên nguyên tắc, có thể vẽ biểu đồ cột chồng hoặc biểu đồ tròn có kích thước khác nhau. Tuy nhiên, do sự chênh lệch lớn về quy mô diện tích cây công nghiệp lâu năm giữa cả nước với Trung du và miền núi Bắc Bộ, nên vẽ biểu đồ tròn là thích hợp hơn cả. Biểu đồ tròn cũng phản ánh cơ cấu tốt hơn biểu đồ cột chồng.

##### 2. Xử lý số liệu

Bảng 38.1. CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM,  
NĂM 2005

(Đơn vị : %)

Vùng	Cà phê	Chè	Cao su	Các cây khác
Cả nước	30,4	7,5	29,5	32,5
Trung du và miền núi Bắc Bộ	3,6	87,9	–	8,5
Tây Nguyên	70,2	4,3	17,2	8,3

Xác định tỉ số so sánh R bằng căn bậc hai của tỉ số so sánh tổng giá trị tạo nên kích thước biểu đồ và lập bảng. Chú ý nên cho HS lấy biểu đồ có kích thước nhỏ nhất làm chuẩn (giá trị so sánh = 1,00).

*Bảng 38.2. SO SÁNH KÍCH THƯỚC BIỂU ĐỒ*

Vùng	Tổng số diện tích cây công nghiệp lâu năm (nghìn ha)	So sánh giá trị	So sánh bán kính biểu đồ (R)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	91,0	1,00	1,00
Tây Nguyên	643,3	7,07	2,65
Cả nước	1633,6	17,95	4,3

**3.** Vẽ biểu đồ dựa trên các bảng số liệu đã xử lí (chú ý đến kích thước biểu đồ).

### **Bài tập 2**

Tương tự bài tập 1, xử lí số liệu được kết quả như sau :

*Bảng 38.3. CƠ CẤU TỔNG ĐÀN TRÂU, BÒ CỦA CẢ NƯỚC, TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, TÂY NGUYÊN, NĂM 2005*

(Đơn vị : %)

	Cả nước	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
Trâu	34,5	65,1	10,4
Bò	65,5	34,9	89,6

*Bảng 38.4. SO SÁNH KÍCH THƯỚC BIỂU ĐỒ*

Vùng	Tổng đàn trâu, bò (nghìn con)	So sánh giá trị	So sánh R
Tây Nguyên	688,8	1,00	1,00
Trung du và miền núi Bắc Bộ	2579,3	3,74	1,94
Cả nước	8462,9	12,3	3,50

## **IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

### **Bài tập 1**

1. GV cho HS nhận dạng bảng số liệu, xác định các kiểu biểu đồ thích hợp. Sau đó quyết định chọn kiểu biểu đồ tròn.

2. HS tự tính toán ra cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm (%) của cả nước, Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

3. HS tự tính toán, lập bảng so sánh kích thước biểu đồ.

4. Vẽ biểu đồ. Sau khi HS vẽ xong, GV đưa ra biểu đồ mẫu để HS đối chiếu.

5. Nhận xét.

– Chú ý rằng diện tích cà phê chè mấy năm gần đây có phát triển ở Sơn La (Tây Bắc), nhưng tỉ trọng trong tổng diện tích cây công nghiệp của vùng là không đáng kể.

– GV hướng dẫn HS kẻ bảng so sánh cho dễ nhớ : về điều kiện sản xuất (chú ý điều kiện về đất trồng, khí hậu) ; về quy mô sản xuất ; về các sản phẩm chính.

### **Bài tập 2**

1. GV cho HS tính toán, sau đó cho HS đối chiếu với bảng số liệu đã xử lí.

2. GV hướng dẫn HS nhận xét. Lưu ý hai điểm : 1. Điều kiện đồng cỏ ; 2. Sự khác biệt về khí hậu (Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu ẩm, có mùa đông lạnh ; Tây Nguyên có khí hậu nóng, có mùa khô).